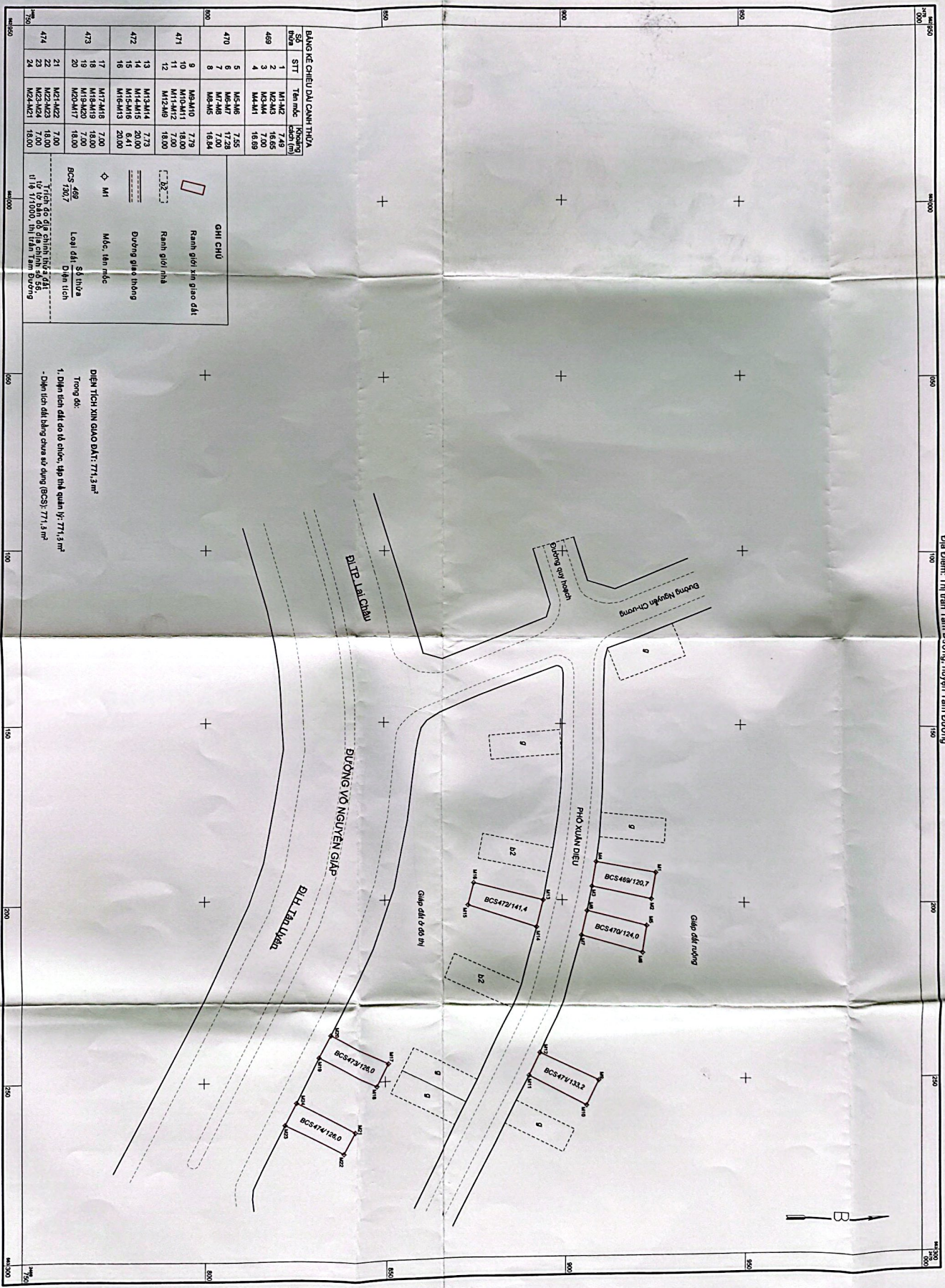


TRÍCH ĐỒ ĐỊA CHÍNH THỪA ĐẤT
 DỰ ÁN: ĐẦU GIÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI ĐỒ THỊ KHU TÀI ĐỊNH CƯ SÂN VÂN DÒNG HUYỆN TAM ĐƯỜNG
 Địa điểm: Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường



BẢNG KẾ CHẾ DẠI CẢNH THỪA

Số thửa	STT	Tên thửa	Diện tích
469	1	M1-M2	7,48
469	2	M2-M3	16,65
469	3	M3-M4	7,00
469	4	M4-M1	16,69
470	5	M5-M6	7,55
470	6	M6-M7	17,28
470	7	M7-M8	7,00
470	8	M8-M5	16,84
471	9	M9-M10	7,79
471	10	M10-M11	18,00
471	11	M11-M12	7,00
471	12	M12-M9	16,00
472	13	M13-M14	7,73
472	14	M14-M15	20,00
472	15	M15-M16	6,41
472	16	M16-M13	20,00
473	17	M17-M18	7,00
473	18	M18-M19	18,00
473	19	M19-M20	7,00
473	20	M20-M17	16,00
474	21	M21-M22	7,00
474	22	M22-M23	18,00
474	23	M23-M24	7,00
474	24	M24-M21	16,00

GHI CHÚ

- Ranh giới thửa đất
- Ranh giới nhà
- Đường giao thông
- Mức, lên mức
- Số thửa
- Loại đất
- Diện tích

DIỆN TÍCH XIN GIAO ĐẤT: 771,3 m²
 Trong đó:
 1. Diện tích đất ở: 771,3 m²
 - Diện tích đất nông nghiệp: 771,3 m²

Đã vẽ tháng 2 năm 2022.
 (Vị trí thửa đất, thửa liền kề, thửa giáp)

GIÁM ĐỐC
 (Chữ ký và dấu)

Đã vẽ tháng 2 năm 2022.
 (Vị trí thửa đất, thửa liền kề, thửa giáp)

GIÁM ĐỐC
 (Chữ ký và dấu)

TỶ LỆ 1:500

0 10 20 30 40m

Xác nhận do có hồ sơ hiện trạng
 Ngày 02 tháng 3 năm 2022.
 (Vị trí thửa đất, thửa liền kề, thửa giáp)

CHỦ TỊCH
 (Chữ ký và dấu)

Đã vẽ tháng 2 năm 2022.
 (Vị trí thửa đất, thửa liền kề, thửa giáp)

GIÁM ĐỐC
 (Chữ ký và dấu)